

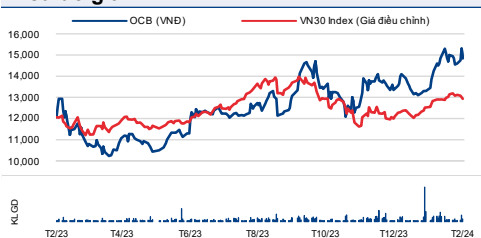
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ16,600
Tiềm năng tăng/giảm: 12.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (1/2/2024)	14,800
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,234-15,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	14,925
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	30,411
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,246
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,055
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	452
Slg CP NN được mua (tr.đv)	15.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.3%
Tỷ lệ freefloat	85.0%
Cổ đông lớn	NH Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
Tổng tài sản (ntđ)	194	227	264
Dư nợ cho vay (ntđ)	120	139	165
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	8.53	9.87	11.8
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.51	4.55	4.98
BVPS (đồng)	12,299	14,489	16,914
EPS (đồng)	1,694	2,197	2,403
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	17.4	16.0	18.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(4.32)	15.7	19.1
Tăng trưởng EPS (%)	(20.2)	29.7	9.39
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	14.9	16.5	15.4
ROAA (%)	1.85	2.16	2.03
Tỷ lệ NIM (%)	3.91	3.80	3.93
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	30.8	30.0
Hệ số CAR (%)	12.5	12.9	12.5
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.23	3.33	2.81
LLR/nợ xấu (%)	59.2	42.8	47.0
Hệ số LDR (%)	117	117	117
P/B (lần)	1.20	1.02	0.88
P/E (lần)	8.74	6.74	6.16
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. OCB tăng trưởng nhanh, có tỷ lệ CAR và ROE cao.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lê Khánh Tùng

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

KQKD Q4/2023 không đạt vì chi phí hoạt động, tổng thu nhập hoạt động và chi phí dự phòng

- LNTT Q4/2023 không đạt dự báo, giảm 25% xuống còn 1,3 nghìn tỷ đồng, vì chi phí dự phòng (tăng 133%) và chi phí hoạt động (tăng 25%) tăng trong khi tổng thu nhập hoạt động giảm. LNTT năm 2023 đạt 5,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 19% và bằng 92% dự báo của HSC.
- Tín dụng tăng trưởng mạnh 20,1% so với cùng kỳ. Trong khi đó, chất lượng tài sản cải thiện với tỷ lệ nợ xấu giảm còn 2,75% và tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm còn 2,1%.
- Giá cổ phiếu OCB đã tăng 11%/16% trong 1 tháng/3 tháng qua. Theo đó, hiện OCB có P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,86 lần; chiết khấu 15% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân (1,01 lần). HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2023

OCB đã công bố KQKD Q4/2023 với LNTT giảm 25% so với cùng kỳ xuống còn 1.312 tỷ đồng, chủ yếu vì chi phí dự phòng (tăng 133% so với cùng kỳ) và chi phí hoạt động (tăng 25% so với cùng kỳ) tăng trong khi tổng thu nhập hoạt động giảm 2% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước trích lập dự phòng giảm 12% so với cùng kỳ xuống còn 1,7 nghìn tỷ đồng (HSC dự báo 2,3 nghìn tỷ đồng).

LNTT năm 2023 đạt 5,2 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với cùng kỳ và bằng 92% dự báo của HSC. Tổng thu nhập hoạt động bằng 97% dự báo và lợi nhuận trước trích lập dự phòng bằng 93% dự báo. Theo đó, chúng tôi đánh giá kết quả thực hiện không gây nhiều thất vọng.

Tín dụng tăng trưởng mạnh trong Q4/2023

Tín dụng của OCB trong Q4/2023 tăng 9,7% so với quý trước (tăng 20,1% so với cùng kỳ) đạt 147 nghìn tỷ đồng. Trong đó, tổng dư nợ cho vay khách hàng tăng 10,6% so với quý trước (tăng 20,4% so với cùng kỳ) đạt 144 nghìn tỷ đồng trong khi TPDN giảm 30% so với quý trước (nhưng vẫn tăng 5,6% so với cùng kỳ) đạt 3 nghìn tỷ đồng. Trên thực tế, tỷ trọng TPDN trong tổng tín dụng của OCB vẫn nhỏ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/2.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2023, OCB

Tỷ đồng	Q4/22	Q4/23	% svck	2022	2023	Tăng trưởng	% so với dự báo HSC
Thu nhập lãi thuần	1,827	1,857	2%	6,948	7,291	5%	98%
Thu nhập ngoài lãi	822	747	-9%	1,586	2,234	41%	93%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	388	337	-13%	1,014	882	-13%	97%
Lãi thuần HĐ ngoại hối	80	103	30%	145	389	168%	108%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	38	95	150%	(217)	648		80%
Thu nhập khác	317	212	-33%	644	315	-51%	99%
Cổ tức	-	-		-	-		
Tổng thu nhập HĐ	2,649	2,604	-2%	8,534	9,525	12%	97%
Chi phí HĐ	(760)	(948)	25%	(3,077)	(3,171)	3%	104%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	1,888	1,656	-12%	5,457	6,354	16%	93%
Chi phí trích lập dự phòng	(148)	(344)	133%	(1,067)	(1,127)	6%	100%
Lợi nhuận trước thuế	1,741	1,312	-25%	4,389	5,227	19%	92%
Lợi nhuận thuần	1,392	1,048	-25%	3,510	4,179	19%	92%

Nguồn: OCB, HSC

Về mặt huy động, tiền gửi khách hàng tăng 10,5% so với quý trước (tăng năm 2023,2% so với cùng kỳ) đạt 126 nghìn tỷ đồng và giấy tờ có giá tăng 8% so với quý trước (tăng 25,1% so với cùng kỳ) đạt 29 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn tăng lên 12,2% từ 11,5% trong Q3/2023.

Hệ số LDR điều chỉnh giảm nhẹ xuống còn 88,8% từ 90,3% tại thời điểm cuối Q4/2022.

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ

Tỷ lệ NIM Q4/2023 giảm 9 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 23 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống còn 3,74% (HSC ước tính 3,94%) với lợi suất gộp giảm 36 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 144 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 9,48% trong khi chi phí huy động chỉ giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước (tăng 197 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Với tập khách hàng huy động không lớn, OCB đã phải áp dụng mức lãi suất tiền gửi cao hơn bình quân hệ thống. Ngoài ra, tỷ trọng tín dụng dành cho lĩnh vực BĐS và xây dựng cao cũng gây áp lực lên lợi suất cho vay của Ngân hàng. Vì vậy, tỷ lệ NIM sẽ cần thêm thời gian để hồi phục.

Thu nhập lãi thuần Q4/2023 tăng 2% so với cùng kỳ đạt 1,8 nghìn tỷ đồng. Theo đó, thu nhập lãi thuần cả năm 2023 đạt 7,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 5% so với cùng kỳ) và bằng 98% dự báo của HSC. Chúng tôi thấy rằng kết quả thực hiện sát dự báo với tăng trưởng tín dụng thực tế cao hơn trong khi tỷ lệ NIM thấp hơn so với dự báo.

Chất lượng tài sản cải thiện và chi phí dự phòng tăng

Tỷ lệ nợ xấu của OCB giảm nhẹ so với quý trước xuống còn 2,75% (từ 3,74% tại thời điểm cuối Q3/2023) và tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 2,1% (từ 2,9% tại thời điểm cuối Q3/2023). HSC thấy rằng mặc dù đã cải thiện nhưng tỷ lệ nợ xấu của OCB vẫn thuộc nhóm cao nhất trong các NHTM HSC khuyến nghị (bình quân là 1,7% tại thời điểm cuối Q4/2023, giảm từ 2,06% tại thời điểm cuối Q3/2023).

Hệ số LLR tăng lên 50% từ 39% tại thời điểm cuối Q3/2023.

Chi phí dự phòng Q4/2023 tăng 133% so với cùng kỳ lên 344 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2023, chi phí dự phòng tăng 6% so với cùng kỳ lên 1.127 tỷ đồng; sát dự báo của chúng tôi.

Nói chung, tỷ lệ nợ xấu của OCB đã giảm và chi phí dự phòng đã tăng, cho thấy chất lượng tài sản đang cải thiện. HSC kỳ vọng xu hướng này sẽ duy trì trong thời gian tới.

Thu nhập ngoài lãi giảm vì lãi thuần HĐ dịch vụ khiêm tốn

Thu nhập ngoài lãi Q4/2023 giảm 9% so với cùng kỳ xuống còn 747 tỷ đồng do lãi thuần HĐ dịch vụ giảm (giảm 13% so với cùng kỳ xuống còn 337 tỷ đồng), một phần vì thu nhập bancassurance giảm.

Trái lại, lãi mua bán trái phiếu tăng 150% so với cùng kỳ lên 95 tỷ đồng và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 30% so với cùng kỳ lên 103 tỷ đồng; nhờ vào xu hướng giảm lợi suất TPCP và xu hướng tăng tỷ giá USD/VND. Mặt bằng lãi suất thấp trong một thời gian dài có thể giúp OCB lấy lại được "phong độ" trong mảng đầu tư trái phiếu trong 1-2 năm tới.

Chi phí hoạt động Q4/2023 tăng

Tổng chi phí hoạt động Q4/2023 tăng 25% so với cùng kỳ lên 948 tỷ đồng. Trong đó, chi phí lương tăng 15% so với cùng kỳ lên 569 tỷ đồng và chi phí liên quan đến tài sản tăng 25% so với cùng kỳ lên 135 tỷ đồng. Tỷ lệ CIR tăng lên 36,4% từ 32,5% trong Q3/2023.

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

Giá cổ phiếu OCB đã tăng 11% trong 1 tháng qua và tăng 16% trong 3 tháng qua. Theo đó, hiện OCB có P/B trượt dự phóng 1 năm là 0,86 lần; chiết khấu 15% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân (1,01 lần). HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu đối với OCB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Thu nhập lãi	11.6	14.1	18.7	20.2	23.3
Chi phí lãi	(5.95)	(7.12)	(11.2)	(11.2)	(12.8)
Thu nhập lãi thuần	5.69	6.95	7.46	9.01	10.5
Lãi thuần HĐ dịch vụ	0.78	1.01	0.91	1.10	1.26
Lãi thuần HĐ KDNH	0.10	0.15	0.36	0.36	0.38
Lãi/lỗ từ mua bán CK	1.95	(0.22)	0.81	0.70	0.53
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.40	0.64	0.32	0.59	0.68
Tổng thu nhập HĐ	8.92	8.53	9.87	11.8	13.3
Chi phí HĐ	(2.40)	(3.08)	(3.04)	(3.53)	(3.99)
LN trước dự phòng	6.52	5.46	6.83	8.23	9.34
Chi phí dự phòng	(1.00)	(1.07)	(1.13)	(2.00)	(2.55)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	5.52	4.39	5.70	6.23	6.80
Chi phí thuế TNDN	(1.11)	(0.88)	(1.14)	(1.25)	(1.36)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	4.40	3.51	4.55	4.98	5.44
EPS (đồng)	2,123	1,694	2,197	2,403	2,623
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,055	2,055	2,055

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.71	0.79	0.85	0.99	1.15
Tiền gửi tại NHNN	3.85	3.23	3.55	4.21	4.98
Tiền gửi tại các TCTD khác	22.6	20.6	26.7	29.9	33.5
Chứng khoán kinh doanh	4.57	0.14	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.13	0.36	0.56	0.56	0.56
Số dư cho vay thuần	101	118	137	163	193
Tổng dư nợ cho vay	102	120	139	165	195
Dự phòng rủi ro	(1.12)	(1.58)	(1.98)	(2.17)	(2.40)
Chứng khoán đầu tư	41.0	37.3	41.9	47.1	53.0
CK đầu tư sẵn sàng để bán	41.0	37.4	41.9	47.2	53.1
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.01)	(0.03)	(0.04)	(0.05)	(0.05)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.56	0.58	0.57	0.66	0.77
Tài sản khác	10.2	12.7	15.7	18.2	21.3
Tổng tài sản	184	194	227	264	308
Nợ phải trả	163	169	197	230	268
Tiền gửi của NHNN	0.13	2.59	0.10	0.10	0.10
Tiền gửi của các TCTD khác	32.0	22.6	26.4	30.3	34.8
Tổng tiền gửi KH	98.8	102	118	140	166
Trái phiếu và CCTG	22.6	32.0	41.3	47.2	53.1
Nợ khác	4.09	6.09	5.95	6.70	8.66
Vốn chủ sở hữu	21.8	25.3	29.8	34.8	40.2
Vốn điều lệ	13.7	13.7	20.5	20.5	20.5
Thặng dư vốn cổ phần	1.70	1.70	1.70	1.70	1.70
Lợi nhuận giữ lại	4.14	7.08	4.74	9.73	15.2
Quỹ & vốn khác của CSH	2.27	2.79	2.78	2.78	2.78
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	184	194	227	264	308
BVPS (đồng)	10,612	12,299	14,489	16,914	19,561

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.8	5.15	16.9	16.5	16.5
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.4	17.4	16.0	18.5	18.4
Tăng trưởng huy động KH (%)	13.3	3.45	15.8	18.5	18.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	17.3	10.5	19.0	17.4	16.9
Tăng trưởng VCSH (%)	25.1	15.9	17.8	16.7	15.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	14.1	22.2	7.44	20.7	16.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.17	28.0	(1.08)	15.9	13.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	14.6	(16.3)	25.1	20.5	13.6
Tăng trưởng LNTT (%)	24.8	(20.5)	29.8	9.36	9.16
Tăng trưởng LN thuần (%)	24.6	(20.3)	29.8	9.39	9.16
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	5.29	4.51	4.69	4.79	4.66
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.43)	(1.63)	(1.45)	(1.44)	(1.40)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	94.5	93.9	93.4	93.3	93.3
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.54	1.41	1.56	1.82	2.06
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	32.4	23.6	29.1	30.3	31.5
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.97	8.74	6.74	6.16	5.64
P/B (lần)	1.39	1.20	1.02	0.88	0.76
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.4	41.1	46.1	42.4	40.8
ROAA (%)	2.61	1.85	2.16	2.03	1.90
ROAE (%)	22.5	14.9	16.5	15.4	14.5
Chi phí huy động BQ (%)	4.25	4.55	6.48	5.53	5.43
Lợi suất góp BQ (%)	7.30	7.91	9.49	8.81	8.73
Lợi suất thuần (%)	3.05	3.36	3.01	3.28	3.30
Tỷ lệ NIM (%)	3.57	3.91	3.80	3.93	3.93
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.80	11.9	9.26	9.33	9.45
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	63.8	81.4	75.6	76.7	78.6
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	36.2	18.6	24.4	23.3	21.4
Tỷ lệ CIR (%)	26.9	36.1	30.8	30.0	29.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.0	12.5	12.9	12.5	11.9
VCSH/Tổng TS (%)	11.8	13.0	13.1	13.2	13.1
Đòn bẩy vốn (lần)	8.46	7.68	7.62	7.60	7.66
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.32	2.23	3.33	2.81	2.19
Hệ số LLR (%)	82.7	59.2	42.8	47.0	56.2
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	103	117	117	117	117
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	20.9	14.4	14.2	13.9	13.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.3	61.8	61.3	62.3	63.3
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	136	149	156	164	172
Số lượng nhân viên	5,792	6,052	6,320	6,450	6,475

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn